TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-7-2018.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Hải Long

Ông Trương Minh Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến – Là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thuỳ D; sinh năm 1977; cư trú tại: đường H, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Đăng Q; sinh năm 1984; cư trú tại: đường Đ, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thuỳ D trình bày thì: Bà D và ông Q kết hôn năm 2008, có đăng kí kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ sinh sống. Cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Q không trách nhiệm với gia đình, không quan tâm, chăm sóc vợ con lúc ốm đau, bệnh tật nên vợ chồng xảy ra cải vã và ông Q đã bỏ ra ngoài ở riêng từ tháng 3/2017 đến nay. Nay bà D xác định tình cảm đối với ông Q không còn nên yêu cầu được ly hôn để trả tự do cho đôi bên.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Trần Đăng K, sinh ngày 24/4/2010, hiện cháu đang ở với mẹ. Bà D yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cũng như thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải của Toà án cho bị đơn ông Đỗ Đăng Q, tuy nhiên ông Q không đến Toà và cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Toà án không thu thập được ý kiến cũng như lời khai của ông Q và không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà D xác định thực tế vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2016, sau đó ông Q có quay về được 03 tháng đến tháng 3/2017 thì ông Q lại bỏ về nhà mẹ đẻ sống cho đến nay, không quan tâm gì đến bà nữa. Tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn nên bà D giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Bà yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi con đủ tuổi thành niên vì ông Q có đi làm, có thu nhập và hàng tháng vẫn đưa cho bà 2.000.000 (Hai triệu) đồng để nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên toà:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, thì chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông Q nguyên nhân là do ông Q không có trách nhiệm với vợ con và đã dọn ra sống riêng, không quan tâm đến vợ con nữa, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà D yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D. Về nuôi con chung: Hiện con chung là cháu Đỗ Trần Đăng K, sinh ngày 24/4/2010 đang ở với bà D. Để đảm bảo quyền lợi và nguyện vọng của con, đề nghị giao cháu K cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi nuôi con: Do ông Q làm nghề tự do, thu nhập không ổn định nên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của bà D, buộc ông Q cấp dưỡng nuôi cháu K 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng/ tháng cho đến khi cháu K đủ tuổi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của bà D yêu cầu ly hôn ông Q, yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con nên xác định quan hệ

tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng"* theo qui định tại khoản 1, 5 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, tuy nhiên bị đơn ông Q vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thuỳ D và ông Đỗ Đăng Q kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà D trình bày là do ông Q không có trách nhiệm với vợ con. Trong thời gian bà D nằm viện điều trị bệnh thì ông Q cũng không quan tâm, chăm sóc và bỏ mặc. Sau đó, vợ chồng xảy ra cải vã thì ông Q bỏ về nhà mẹ đẻ sống và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay, không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn. Toà án đã nhiều lần thông báo cho ông Q đến Toà để hoà giải nhưng ông Q không đến và tại phiên toà hôm nay ông Q vẫn vắng mặt là thể hiện sự bỏ mặc, không mong muốn vợ chồng hàn gắn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà D và ông Q đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài nhưng cũng không tìm biện pháp để khắc phục mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà D xác định không còn tình cảm với ông Q, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

[4] Về con chung: Bà D và ông Q có 01 con chung là cháu Đỗ Trần Đăng K, sinh ngày 24/4/2010. Hiện tại, cháu K đang sống chung với mẹ ổn định, đi học bình thường, cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà D, giao cháu K cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, ông Quang có việc làm, có thu nhập và hàng tháng vẫn đưa cho bà D số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng để nuôi cháu K. Do đó, bà D yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng là có cơ sở và cũng đảm bảo quyền lợi cho con nên chấp nhận. Buộc ông Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2018 cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định không có nên không đề cập.

[7] Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Thuỳ D và ông Đỗ Đăng Q ly hôn.

2.Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Trần Đăng K, sinh ngày 24/4/2010 cho bà Trần Thị Thuỳ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ tuổi thành niên.

3.Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Đỗ Đăng Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Đỗ Trần Đăng K, sinh ngày 24/4/2010 số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2018 cho đến khi cháu K đủ tuổi thành niên.

Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con, không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng ông Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị Thuỳ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/000… ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Đỗ Đăng Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Đ;
- Chi cục THADS TP Đ;
- UBND phường I, TP Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Lệ Quyên